ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TÂN HIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3094 /QĐ-UBND	*Tân Hiệp, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14 (đoạn từ Km 1+040 đến Km 1+270)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN HIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật qui hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính Phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ quy định Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định 207/2026/NĐ-CP về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 thành phố Tân Uyên đến năm 2040;

Căn cứ Thông báo số 4287/TB-SXD-VP ngày 18/08/2025 của Sở Xây dựng Thành phố về nội dung kết luận cuộc họp chủ trương sử dụng các đồ án quy hoạch để đánh giá sự phù hợp quy hoạch đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật trong thời gian chưa kịp thời tổ chức lập đồ án Quy hoạch chung Thành phố, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo ranh địa giới hành chính mới;

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024) đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp giao nhiệm vụ lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 20/12/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14 (đoạn từ Km 1+040 đến Km 1+270);

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 08/PHT-TĐ ngày 15/10/2026 của Phòng Hạ tầng phường Tân Hiệp về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14 (đoạn từ Km 1+040 đến Km 1+270);

Theo đề nghị của Phòng Hạ tầng phường Tân Hiệp tại Tờ trình số 28/TTr-PHT ngày 15/10/2026 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14 (đoạn từ Km 1+040 đến Km 1+270).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14 (đoạn từ Km 1+040 đến Km 1+270) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng HTTN và BTNN tuyến đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14 (đoạn từ Km 1+040 đến Km 1+270).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại và cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: < 25 năm (Bảng 1 - QCVN 03:2022/BXD).

3. Mã dự án, mã định danh (nếu có):

- Mã dự án: 8197222.

- Mã định danh: 7926413204600.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế, diện tích sử dụng đất của dự án:

a. Địa điểm xây dựng dự án: Tuyến đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Vị trí xây dựng công trình trình thẩm định, điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế (ghi địa danh cấp xã, tỉnh);

- Tân Hiệp 02: đầu tuyến giao đường tỉnh ĐT.747B, cuối tuyến giáp đường Tân Hiệp 01; chiều dài 1.021,53 m.

- Tân Hiệp 06: đầu tuyến giao đường Khánh Bình 13, cuối tuyến giáp Công ty Thiết Đan; chiều dài 635,93 m.

- Khánh Bình 14: đầu tuyến giao đường Tân Hiệp 06, cuối tuyến nối đường Khánh Bình 14 (BTXM) hiện hữu; chiều dài 225,34 m.

c. Diện tích sử dụng đất của dự án:

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án: 18.762,86 m², trong đó:

+ Tân Hiệp 02: diện tích sử dụng đất 8.427,62 m².

+ Tân Hiệp 06: diện tích sử dụng đất 7.631,16 m².

+ Khánh Bình 14: diện tích sử dụng đất 2.704,08 m².

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Hiệp.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu lập khảo sát địa hình, báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Công trình Thùy Hân.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp 0311508011 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 20/01/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/3/2021.

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00010082 cấp ngày 10/01/2023 do Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động xây dựng: Khảo sát Địa hình; Khảo sát địa chất công trình hạng II, Thiết kế xây dựng công trình Giao thông (đường bộ) hạng II, Giao thông (cầu đường bộ) hạng III; giá trị đến ngày 10/01/2033.

- Nhà thầu lập báo cáo thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Giao thông Thành Phát.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp 0316150474 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 22 tháng 6 năm 2026;

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00058959 ngày 25/11/2021 đến 25/11/2031 do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp.

8. Mục tiêu dự án:

- Đáp ứng nhu cầu giao thông, giao thương trên địa bàn; hoàn thiện hạ tầng giao thông, thoát nước, chỉnh trang đô thị, cải thiện vệ sinh môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Quy mô công suất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình chính, các hạng mục công trình của dự án.

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ:

Công trình được thiết kế nâng cấp, mở rộng với các nội dung chủ yếu sau:

- Loại đường: Đường phố nội bộ (theo TCVN 13592:2022).
- Vận tốc thiết kế: 20 Km/h.
- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn áo đường: 100 KN.
- Mô đun đàn hồi yêu cầu theo hồ sơ thiết kế: Eyc ≥ 120 MPa.
- Tải trọng thiết kế cống: HL-93.
- Khả năng phục vụ: Mức E.
- Hệ thống thoát nước: Cống tròn BTCT, Mương BTCT.

*** Đường Tân Hiệp 02:**

- Chiều dài tuyến: 1.021,53 m.
- Chiều rộng mặt đường: 2,5 m x 2 = 5,0 m.
- Bề rộng vỉa hè: 1,2 m ~ 3,3 m; bề rộng bó nền: 0,15 m.
- Chiều rộng nền đường: 6,20 m ~ 8,30 m.
- Độ dốc ngang mặt đường: 2,0 %;
- Độ dốc vỉa hè: 1,0 %.
- Kết cấu mặt đường: BTNN C12,5, dày 7cm.
- Hệ thống thoát nước:

▪ Đoạn 1:

+ Hệ thống thoát nước bên trái tuyến từ Km0 + 12,08 đến Km0 + 20,00: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước dẫn dòng ngang đường tại Km0 + 20,00: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước bên phải tuyến từ Km0 + 20,00 đến Km0 + 193,34: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Bố trí 5 cống ngang đường thu nước mặt khoảng cách từ 20-30m mỗi đoạn: Cống tròn D40 cm, H30.

▪ Đoạn 2:

+ Hệ thống thoát nước bên phải tuyến từ Km0 + 2,50 đến Km0 +712,22: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước dẫn dòng ngang đường tại Km0 + 712,22: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước bên trái tuyến từ Km0+712,22 đến Km0+ 835,54: Mường BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước dẫn dòng ngang đường đấu nối vào hệ thống hiện hữu tại Km0 + 835,84: BTCT, kích thước (70xH) cm.

- Bố trí hệ thống tổ chức an toàn giao thông: sơn đường, biển báo.

*** Đường Tân Hiệp 06:**

- Chiều dài tuyến: 635,93 m.
- Chiều rộng mặt đường: 3,5 m x 2 = 7,0 m.
- Chiều rộng nền đường: 9,0 m.
- Độ dốc ngang mặt đường: 2,0 %.
- Kết cấu mặt đường: BTNC12,5, dày 7cm.
- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước dọc bên phải tuyến từ Km0 + 27,45 đến Km0+ 635,92: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước dọc bên trái tuyến từ Km0 + 11,37 đến Km0+ 635,92: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước ngang đường tại Km0+ 27,45, Km0+ 520,00: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

- Bố trí hệ thống tổ chức an toàn giao thông: sơn đường, biển báo.

*** Đường Khánh Bình 14:**

- Chiều dài tuyến: 225,34 m.
- Chiều rộng mặt đường: 3,5 m x 2 = 7,0 m.
- Chiều rộng nền đường: 9,0 m.
- Độ dốc ngang mặt đường: 2,0 %.
- Kết cấu mặt đường: BTNN C12,5, dày 7cm.
- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước dọc bên phải tuyến từ Km0+ 3,50 đến Km0+ 163,00: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước dọc bên trái tuyến từ Km0 + 3,50 đến Km0 + 225,34: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

+ Hệ thống thoát nước dẫn dòng ngang đường tại Km0+ 163,00: Mương BTCT, kích thước (70xH) cm.

- Bố trí hệ thống tổ chức an toàn giao thông: sơn đường, biển báo.

1.2 Giải pháp kỹ thuật, một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình chính, các hạng mục công trình:

a. Bình đồ tuyến

Cơ bản bám theo tim và phạm vi tuyến đường hiện hữu, tận dụng tối đa nền, mặt đường hiện trạng; hạn chế ảnh hưởng đến đất và công trình của các hộ dân hai bên tuyến; bố trí các hạng mục thoát nước, an toàn giao thông phù hợp điều kiện thực tế.

b. Trắc dọc

Cao độ thiết kế cơ bản theo cao độ tuyến đường hiện hữu, bảo đảm khớp nối êm thuận tại đầu tuyến, cuối tuyến, các vị trí giao cắt và các đường nhánh hiện hữu; hạn chế đào đắp, tận dụng kết cấu nền đường hiện trạng; đồng thời bảo đảm độ dốc dọc, điều kiện thoát nước mặt và không gây đọng nước trên mặt đường. Cao độ hoàn thiện được xác định trên cơ sở cao độ hiện trạng, chiều dày kết cấu áo đường và yêu cầu kết nối với công trình hai bên tuyến.

c. Trắc ngang

Trắc ngang các tuyến đường được thiết kế trên cơ sở bám sát tim tuyến và nền đường hiện hữu, hạn chế giải tỏa, ảnh hưởng đến công trình, nhà ở của người dân, bảo đảm khả năng thoát nước và an toàn giao thông. Quy mô thiết kế cụ thể như sau:

- Tuyến đường Tân Hiệp 02: mặt đường rộng 5,0 m, vỉa hè rộng 1,2 m ~ 3,3 m, nền đường rộng 6,20 m ~ 8,30 m; độ dốc ngang mặt đường 2%, vỉa hè 1%.

- Tuyến đường Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14: mặt đường rộng 7,0 m, mương BTCT bề rộng phủ bì 1,0 m x 2 bên, nền đường rộng 9,0 m; độ dốc ngang mặt đường 2%.

d. Kết cấu áo đường

* Kết cấu áo đường sử dụng cho tất các tuyến như sau:

- Kết cấu mặt đường phần đường làm mới:

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 7cm, lu lèn K>=0,98;

+ Tưới nhựa thấm bám bằng nhựa tiêu chuẩn 1kg/m2;

+ Cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25mm) dày 18cm, lu lèn K>=0,98;

+ Cấp phối đá dăm loại I (Dmax=37,5mm) dày 18cm, lu lèn K>=0,98;

+ Đào khuôn đường hoặc bù phụ nền đường bằng cấp phối đá dăm loại I, lu lèn K>=0,98.

+ Lu lèn nền hạ K>=0,95.

- **Kết cấu áo đường phần kết nối bê tông nhựa:**

+ Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 7cm, lu lèn K>=0,98;

+ Tưới nhựa dính bám bằng nhựa tiêu chuẩn 0,5kg/m2;

+ Cày sọc mặt đường bê tông nhựa hiện hữu.

- **Kết cấu tái lập cho đường bê tông xi măng:**

+ Bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 20cm;

+ Lớp ni lông chống thấm dày 0,3mm;

+ Cấp phối đá dăm loại I (Dmax=37,5mm) dày 18cm, lu lèn K>=0,98;

+ Bù phụ cao độ bằng đất tận dụng, lu lèn K>=0,98.

đ. Kết cấu vỉa hè

- Đường Tân Hiệp 02:

+ Bê tông đá 1x2 C16 (M200) dày 10cm.

+ Cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25mm) dày 10cm.

e. Kết cấu bó nền

- Đường Tân Hiệp 02:

+ Bê tông bó nền đá 1x2 C20 (M250).

+ Bê tông móng đá 1x2 C12 (M150) dày 6cm.

f. Biện pháp gia cố hố móng

- Gia cố hố móng bằng cọc ván thép dài 3,0m ~ 4,0m và thép tấm dày 6mm đối với những vị trí đào cống sâu > 2m và vị trí giáp hàng rào nhà dân hoặc công ty.

g. Hệ thống thoát nước:

- Bảo đảm thu gom và thoát nước mặt, đấu nối với hệ thống hiện hữu theo thiết kế; cống, mương, hố ga, cửa thu, nắp đan và kết cấu phụ trợ phải bảo đảm khả năng chịu lực và yêu cầu khai thác.

- Hướng thoát nước:

+ Đường Tân Hiệp 02: Đoạn 1 đầu tuyến thoát về đường tỉnh ĐT.747B, đấu nối vào hố ga cống D1200 hiện hữu; Đoạn 2 từ Km0+183 đến cuối tuyến thoát về cuối tuyến, đấu nối tại hố ga cống D400 hiện hữu (vị trí ngã 3 giao với đường Tân Hiệp 01).

+ Đường Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14: đoạn từ Km0 + 320 thoát về đầu tuyến Tân Hiệp 06 đấu nối vào hố ga cống D600 hiện hữu trên đường Khánh Bình 13; đoạn từ giữa tuyến đến cuối tuyến Tân Hiệp 06 và đường Khánh Bình 14 thoát về cuối tuyến Khánh Bình 14, đấu nối vào hố ga cống hiện hữu trên đường Khánh Bình 14.

- Giải pháp thoát nước: căn cứ lưu vực, nhu cầu thoát nước của các hộ dân và kết quả tính toán thủy lực, sử dụng mương BTCT tiết diện 70xH cm; cống ngang D400 cho một số vị trí không bố trí mương thoát nước.

- Hầm ga thu nước:

+ Hố ga thu có nắp đan bằng gang hố ga chịu lực đặt trên đà hầm:

+ Kích thước: 1100x1100x130cm.

+ Kết cấu đáy hố ga, thành hố ga và cổ hố ga bằng BTCT đá 1x2 M250 (C20) đổ tại chỗ. Móng hố ga được đổ bê tông đá 1x2 M150 (C12) dày 20cm.

+ Phui đào hố ga bằng kết cấu móng hố ga cộng thêm mỗi bên 1.0m (theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4447:2012 công tác đất – thi công và nghiệm thu).

+ Đắp đất hố ga bằng đất tận dụng K >=0,95 đến cao độ tự nhiên.

- Hố thu nước:

+ Hố thu nước bằng bê tông đá 1x2 M250, đặt sát bó vỉa thu nước một bên vào hố ga chính; kích thước giếng 1,1x0,55m.

+ Cửa thu nước được đặt lưới chắn rác bằng thép mạ kẽm rộng 90x35cm, dày 10cm; gờ khuôn giếng được bọc bằng thép góc L50x50x5 mm, liên kết với khuôn giếng bằng các cụm neo thép Ø6 mm.

- Cống tròn BTCT:

+ Sử dụng cống tròn BTCT Ø40cm; tải trọng thiết kế tải cao cấp C.

+ Cống nằm dưới mặt đường, chiều cao tối thiểu từ lưng cống tới mặt đường là 0,5m.

+ Ống cống bằng BTCT đúc sẵn theo phương pháp ly tâm kết hợp rung theo định hình Sở GTCC TP Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ.GT ngày 24/04/2003.

+ Hỗn hợp bê tông đá 1x2 M150 lót móng cống; gối cống BTCT đúc sẵn.

+ Mối nối cống tại đầu ngàm âm dương được chèn bằng joint cao su, bên ngoài được trát bằng vữa xi măng M10.

- Kết cấu mương BTCT:

+ Mương BTCT được đổ tại chỗ; thành mương BTCT đá 1x2 M250 dày 15cm; bê tông lót móng mương đá 1x2 M150 dày 10cm.

+ Nắp đan mương BTCT đá 1x2 M250 có kích thước 100x85x15cm, nắp đan được chừa trống 06 lỗ với đường kính Ø5cm để thu nước trực tiếp.

+ Một số vị trí ngang đường, trước cổng công ty sử dụng nắp đan mương thép mạ kẽm kích thước 100x85x15cm, khoảng cách 20m/1 nắp.

+ Phui đào mương bằng mép mương cộng thêm mỗi bên 0,5m; đất đắp mương bằng đất tận dụng K >= 0,95.

h. Hệ thống an toàn giao thông: biển báo, sơn đường:

*** Đường Tân Hiệp 02, Tân Hiệp 06, Khánh Bình 14:**

- Biển báo:

+ Bố trí hệ thống biển báo giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ - QCVN 41:2024/BGTVT.

+ Biển báo cấm (hình tròn, nền trắng, viền đỏ, hình vẽ màu đen); biển báo nguy hiểm (tam giác đều, nền vàng, viền đỏ, hình vẽ màu đen); biển báo dùng loại phản quang, chi tiết loại biển và vị trí đặt theo mặt bằng tổ chức giao thông.

- Vạch sơn:

+ Vạch 1.1 (màu vàng, rộng 15cm, dày 2mm) tại tim đường; vạch 7.1 (vạch dừng xe, màu trắng, dày 2mm); vạch 7.3 (màu trắng, rộng 40cm, cách nhau 60cm, dài 3m, dày 2mm) theo QCVN 41:2024/BGTVT.

+ Vạch sơn giảm tốc trước các điểm giao cắt (màu vàng, rộng 20cm, cách nhau 40cm, dài 5,5m, dày 6mm; mỗi vị trí gồm 01 cụm 7 vạch và 01 cụm 6 vạch) theo TCCS 34:2020/TCĐBVN.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn áp dụng để khảo sát, thiết kế và lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án gồm:

a) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- QCVN 07-4:2023/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình giao thông đô thị và Sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD;

- QCVN 07-2:2023/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước và Sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD;

- QCVN 10:2024/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;

- QCVN 02:2022/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- QCVN 41:2024/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Báo hiệu đường bộ;

- QCVN 04:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng lưới tọa độ;

- QCVN 11:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng lưới độ cao.

- QCVN 47:2022/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn, áp dụng khi dự án có thực hiện công tác quan trắc thủy văn.

b) Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông

- TCVN 4054:2005 – Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế, áp dụng đối với tuyến hoặc đoạn tuyến thuộc phạm vi điều chỉnh của tiêu chuẩn;

- TCVN 13592:2022 – Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 38:2022- TCĐBVN – Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 11823-3:2017 – Thiết kế cầu đường bộ – Phần 3: Tải trọng và hệ số tải trọng;

- TCVN 11823-5:2017 – Thiết kế cầu đường bộ – Phần 5: Kết cấu bê tông;

- TCVN 11823-12:2017 – Thiết kế cầu đường bộ – Phần 12: Kết cấu vùi và áo hầm;

- TCVN 5574:2018 – Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- TCVN 2737:2023 – Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4054:2005 – Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế, áp dụng đối với tuyến hoặc đoạn tuyến thuộc phạm vi điều chỉnh của tiêu chuẩn;

- TCVN 10380:2014 – Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế, áp dụng đối với tuyến thuộc hệ thống đường giao thông nông thôn;

- TCCS 34:2020/TCĐBVN – Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ – Yêu cầu thiết kế, áp dụng khi công trình có bố trí gờ, gồ giảm tốc;

- TCCS 41:2022/TCĐBVN và Sửa đổi 1:2022 - TCCS 41:2022/TCĐBVN – Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu, áp dụng khi tuyến có nền đất yếu;

c) Tiêu chuẩn thiết kế hệ thống thoát nước

- TCVN 7957:2023 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9845:2013 – Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;

- TCVN 9113:2012 – Ống cống bê tông cốt thép thoát nước;

- TCVN 9116:2012 – Cống hộp bê tông cốt thép.

d) Tiêu chuẩn khảo sát địa hình

- TCCS 31:2020/TCĐBVN – Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCVN 9398:2012 – Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung;

- TCVN 9401:2024 – Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình.

đ) Tiêu chuẩn về nền, móng và mặt đường

- TCVN 9436:2012 – Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8859:2023 – Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 13567-1:2022 – Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường.

e) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan…

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng : 27.045.755.347 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	22.702.583.546	đồng
- Chi phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư	:	404.475.183	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	515.992.697	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	1.529.673.137	đồng
- Chi phí khác	:	956.997.257	đồng
- Chi phí dự phòng	:	936.033.527	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án:

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2026.

- Thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

- Kết thúc dự án: từ sau năm 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho phường.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 2. Sau khi báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình được phê duyệt, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Tân Hiệp có trách nhiệm thực hiện bước tiếp theo đảm bảo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Trưởng phòng Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND;
- Phòng Hạ Tầng;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Ban QLDA phường;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Thị Cẩm Tú